

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
ECO102 - KINH TẾ VĨ MÔ

Lớp: 184701.YTN33 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 16

Ngành: Luật kinh tế

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 21/04/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ	Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTN1	30%	60%	100%	
						A	B1	B	T	D	
1	18-2-52380107-00086	Nguyễn Việt	An	11/9/1990	Nam	4.0	7.0	7.0	4.5	5.2	
2	18-2-52380107-00145	Đoàn Văn	Anh	6/25/1994	Nam	9.0	7.0	7.0	4.3	5.6	
3	18-2-52380107-00189	Vũ văn	Công	5/10/1983	Nam	6.0	7.7	7.7	5.5	6.2	
4	18-2-52380107-00147	Phạm Thị	Hằng	10/20/1993	Nữ	10.0	8.4	8.4	3.8	5.8	
5	18-2-52380107-00088	Nguyễn Trung	Hiếu	4/27/1984	Nam	6.0	7.5	7.5	5.5	6.2	
6	18-2-52380107-00089	Trần Quốc	Hoàn	2/17/1971	Nam	4.0	7.5	7.5	0.0	2.7	Vắng thi
7	18-2-52380107-00090	Vũ Quốc	Huân	9/19/1992	Nam	4.0	7.5	7.5	6.0	6.3	
8	18-2-52380107-00193	Dương Thị	Luân	5/9/1993	Nữ	0.0	5.6	5.6	0.0	1.7	Cấm thi
9	18-2-52380107-00194	Phạm Thị	Mừng	10/10/1984	Nữ	10.0	7.7	7.7	5.3	6.5	
10	18-2-52380107-00093	Vũ Hoàng	Phương	6/29/2000	Nam	2.0	7.5	7.5	0.0	2.5	Hoãn thi
11	18-2-52380107-00149	Phan Đức	Phương	4/3/1985	Nam	7.0	7.0	7.0	4.0	5.2	
12	18-2-52380107-00074	Hà Văn	Quyết	3/22/1993	Nam	2.0	7.5	7.5	3.0	4.3	
13	18-2-52380107-00094	Nguyễn Thị Bích	Thảo	7/8/1994	Nữ	6.0	7.5	7.5	7.0	7.1	
14	18-2-52380107-00151	Lê Văn	Tú	12/21/1999	Nam	2.0	7.0	7.0	4.5	5.0	
15	18-2-52380107-00195	Hoàng Tuấn	Tú	6/9/1984	Nam	0.0	5.6	5.6	0.0	1.7	Cấm thi
16	18-2-52380107-00152	Tòng Văn Phá	U'	12/8/1994	Nam	2.0	7.5	7.5	2.5	4.0	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$$D = A*0.1 + B*0.3 \text{ (Hoặc } 0.2 \text{ tùy từng môn)} + T*0.6$$

Cán bộ vào điểm

2

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 5 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
ECO102 - KINH TẾ VĨ MÔ

Lớp: 184701.UKTN33 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 2

Ngành: Luật kinh tế

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 21/04/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ	Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTN1	30%	60%	100%	
						A	B1	B	T	D	
1	18-2-52380107-00198	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	12/5/1980	Nữ	6.0	8.5	8.5	4.3	5.7	
2	18-2-52380107-00153	Phùng Văn	Quyển	5/4/1996	Nam	10.0	8.5	8.5	0.0	3.6	Vắng thi

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm



Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 5 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
ECO102 - KINH TẾ VĨ MÔ

Lớp: 184701.UCTN33 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 2

Ngành: Luật kinh tế

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1, Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 21/04/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52380107-00096	Phạm Thị Lê	Hoa	9/4/1974	Nữ	2.0	8.5	8.5	8.5	0.0	2.8	
2	18-2-52380107-00196	Nguyễn Văn	Quyết	10/8/1990	Nam	5.0	8.5	8.5	8.5	6.8	7.1	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3 \text{ (Hoặc } 0.2 \text{ tùy từng môn)} + T \cdot 0.6$$

Cán bộ vào điểm

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 5 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
ECO102 - KINH TẾ VĨ MÔ

Lớp: 184701.RKTN33 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 21

Ngành: Luật kinh tế

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 21/04/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52380107-00157	Phạm Thị Tuệ	Anh	8/2/1982	Nữ	10.0	9.0	9.0	9.0	4.8	6.6	
2	18-2-52380107-00158	Hoàng Tuấn	Anh	1/24/1982	Nam	10.0	9.0	9.0	9.0	6.3	7.5	
3	18-2-52380107-00099	Lê Huy	Bình	6/20/1995	Nam	4.0	8.5	8.5	8.5	5.8	6.4	
4	18-2-52380107-00100	Nguyễn Hữu	Cường	5/26/1974	Nam	2.0	8.5	8.5	8.5	0.0	2.8	Vắng thi
5	18-2-52380107-00205	Bùi Thu	Diệp	9/28/1991	Nữ	10.0	9.0	9.0	9.0	4.5	6.4	
6	18-2-52380107-00160	Nguyễn Thị Hồng	Hanh	1/21/1983	Nữ	2.0	9.0	9.0	9.0	6.0	6.5	
7	18-2-52380107-00161	Cung Quang	Huy	6/29/1995	Nam	4.0	9.0	9.0	9.0	4.5	5.8	
8	18-2-52380107-00102	Nguyễn Đình	Luyện	6/1/1978	Nam	2.0	8.5	8.5	8.5	5.0	5.8	
9	18-2-52380107-00103	Hoàng Thành	Nam	2/14/1976	Nam	8.0	8.5	8.5	8.5	6.5	7.3	
10	18-2-52380107-00162	Thân Hải	Nam	5/26/1981	Nam	4.0	9.0	9.0	9.0	9.3	8.7	
11	18-2-52380107-00163	Trần Bích	Ngọc	9/7/1987	Nữ	2.0	9.0	9.0	9.0	5.0	5.9	
12	18-2-52380107-00084	Đặng Xuân	Thành	10/18/1981	Nam	10.0	8.5	8.5	8.5	6.5	7.5	
13	18-2-52380107-00104	Lê Thị	Thạo	4/20/1985	Nữ	10.0	8.5	8.5	8.5	8.5	8.7	
14	18-2-52380107-00105	Nguyễn Anh	Thế	11/24/1982	Nam	10.0	8.5	8.5	8.5	7.0	7.8	
15	18-2-52380107-00207	Nhâm Như	Toại	8/5/1978	Nam	10.0	9.0	9.0	9.0	6.5	7.6	
16	18-2-52380107-00164	Bùi Thị Thu	Trang	11/22/1975	Nữ	10.0	9.0	9.0	9.0	6.3	7.5	
17	18-2-52380107-00106	Phạm Văn	Trường	10/3/1991	Nam	10.0	8.5	8.5	8.5	3.8	5.8	
18	18-2-52380107-00165	Lê Khả	Văn	8/13/1982	Nam	7.0	9.0	9.0	9.0	4.5	6.1	
19	18-2-52380107-00166	Nguyễn Tiến	Vương	1/23/1983	Nam	2.0	9.0	9.0	9.0	3.3	4.9	
20	18-2-52380107-00159	Mai Tiến	Đạt	7/25/1989	Nam	10.0	9.0	9.0	9.0	8.8	9.0	
21	18-2-52380107-00101	Trần	Đức	10/25/1982	Nam	8.0	8.5	8.5	8.5	6.0	7.0	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A*0.1 + B*0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T*0.6$

Cán bộ vào điểm



Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 5 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
FIN301 - THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Lớp: 164101.ETN21 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 10

Ngành: Kế Toán

Năm nhập học: 2016

Ngày thi: 21/04/2019

Lần thi thứ: 01

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	17-2-52340301-00001	Phạm Thị Thu	Hà	9/19/1986	Nữ	10.0	10.0	10.0	10.0	8.5	9.1	
2	16-2-52340301-00315	Đặng Thị Mai	Hương	9/20/1992	Nữ	10.0	10.0	10.0	10.0	6.5	7.9	
3	17-2-52340301-00003	Hoàng Thị	Hường	7/17/1979	Nữ	10.0	9.0	9.5	9.3	6.3	7.6	
4	17-2-52340301-00002	Nguyễn Thị	Hường	12/2/1986	Nữ	6.0	9.5	9.5	9.5	6.8	7.5	
5	17-2-52340301-00004	Trần Thị	Huyền	2/10/1992	Nữ	10.0	9.5	9.5	9.5	6.8	7.9	
6	16-2-52340301-00316	Trương Thị Phương	Thanh	1/9/1985	Nữ	6.0	9.0	8.5	8.8	8.3	8.2	
7	16-2-52340301-00356	Đinh Thị	Thanh	4/5/1982	Nữ	10.0	10.0	9.0	9.5	7.5	8.4	
8	16-2-52340301-00317	Nguyễn Việt	Thu	2/15/1981	Nữ	6.0	9.5	9.0	9.3	6.5	7.3	
9	16-2-52340301-00358	Lê Ngọc	Văn	5/16/1985	Nam	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Cấm thi
10	16-2-52340301-00318	Hoàng Thị	Xoè	2/15/1991	Nữ	9.0	9.5	8.5	9.0	8.5	8.7	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm



Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 5 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TỪ XA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
LAW101 - PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

Lớp: 181101.HTN31 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 1

Ngành: Công nghệ thông tin

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 21/04/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52480201-00184	Phạm Văn	Công	11/17/1989	Nam	10.0	9.0	7.5	8.3	7.3	7.9	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 5 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
LAW101 - PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

Lớp: 181101.QTN33 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 23

Ngành: Công nghệ thông tin

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 21/04/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52480201-00133	Đặng Quang	Cường	2/9/1990	Nam	10.0	9.5	8.0	8.8	9.0	9.0	
2	18-2-52480201-00132	Lê Tiến	Cường	14/08/1992	Nam	8.0	10.0	10.0	10.0	8.8	9.1	
3	18-2-52480201-00066	Ngô Văn	Duẩn	1/1/1989	Nam	4.0	6.3	7.5	6.9	6.5	6.4	
4	18-2-52480201-00068	Võ Triều	Dương	14/02/1997	Nam	6.0	9.2	8.3	8.8	8.0	8.0	
5	18-2-52480201-00134	Trần Văn	Giang	6/2/1997	Nam	10.0	7.0	7.3	7.2	7.8	7.8	
6	18-2-52480201-00053	Nguyễn Thị	Hà	3/9/1996	Nữ	10.0	7.5	10.0	8.8	4.8	6.5	
7	18-2-52480201-00177	Lý Văn	Hùng	21/05/1990	Nam	10.0	8.5	7.5	8.0	8.3	8.4	
8	18-2-52480201-00056	Phùng Đức	Huy	28/11/1996	Nam	8.0	7.5	8.0	7.8	9.5	8.8	
9	18-2-52480201-00071	Bùi Thế	Long	5/3/1993	Nam	6.0	7.5	7.0	7.3	0.0	2.8	Vắng thi
10	18-2-52480201-00072	Nguyễn Văn	Luận	3/11/1993	Nam	9.0	6.8	5.3	6.1	5.3	5.9	
11	18-2-52480201-00135	Vũ Văn	Nam	18/12/1990	Nam	8.0	10.0	9.0	9.5	5.8	7.1	
12	18-2-52480201-00136	Hoàng Văn	Ngọc	16/07/2000	Nam	6.0	7.0	7.0	7.0	7.5	7.2	
13	18-2-52480201-00073	Trần Vũ	Ninh	29/11/1997	Nam	9.0	8.0	7.0	7.5	6.3	6.9	
14	18-2-52480201-00137	Nguyễn Thị	Phương	10/4/1998	Nữ	10.0	9.5	6.5	8.0	9.0	8.8	
15	18-2-52480201-00138	Nguyễn Văn	Quang	25/03/1996	Nam	10.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.5	
16	18-2-52480201-00059	Nguyễn Duy	Tâm	31/10/1995	Nam	10.0	9.5	6.0	7.8	8.0	8.1	
17	18-2-52480201-00075	Nguyễn Hồng	Tân	28/06/1996	Nam	6.0	8.0	7.0	7.5	8.3	7.8	
18	18-2-52480201-00139	Vàng Văn	Thắng	4/9/1994	Nam	10.0	8.0	7.0	7.5	9.0	8.7	
19	18-2-52480201-00140	Hoàng Văn	Thoảng	12/7/1988	Nam	8.0	6.2	7.5	6.9	6.8	7.0	
20	18-2-52480201-00141	Hoa Xuân	Thúy	20/12/1984	Nam	10.0	7.3	5.8	6.6	8.0	7.8	
21	18-2-52480201-00183	Trịnh Đăng	Toàn	4/9/1994	Nam	9.0	3.2	7.0	5.1	7.3	6.8	
22	18-2-52480201-00076	Nguyễn Thanh	Tùng	20/11/1992	Nam	10.0	9.5	7.5	8.5	9.3	9.1	
23	18-2-52480201-00060	Đinh Văn	Vinh	14/08/1994	Nam	10.0	8.5	9.5	9.0	9.8	9.6	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm

(Chữ ký)

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 5 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
LAW103 - LUẬT HIẾN PHÁP

Lớp: 184701.UCTN33 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 2

Ngành: Luật kinh tế

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 21/04/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52380107-00096	Phạm Thị Lê	Hoa	9/4/1974	Nữ	4.0	8.5	6.0	7.3	0.0	2.6	Vắng thi
2	18-2-52380107-00196	Nguyễn Văn	Quyết	10/8/1990	Nam	6.0	8.5	7.5	8.0	9.3	8.6	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$$D = A*0.1 + B*0.3 \text{ (Hoặc } 0.2 \text{ tùy từng môn)} + T*0.6$$

Cán bộ vào điểm

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 5 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
LAW103 - LUẬT HIẾN PHÁP

Lớp: 184701.RKTN33 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 21

Ngành: Luật kinh tế

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 21/04/2019

Lần thi thứ: 01

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52380107-00157	Phạm Thị Tuệ	Anh	8/2/1982	Nữ	9.0	6.3	8.5	7.4	7.0	7.3	
2	18-2-52380107-00158	Hoàng Tuấn	Anh	1/24/1982	Nam	10.0	9.0	9.5	9.3	8.8	9.1	
3	18-2-52380107-00099	Lê Huy	Bình	6/20/1995	Nam	6.0	8.5	9.5	9.0	8.3	8.3	
4	18-2-52380107-00100	Nguyễn Hữu	Cường	5/26/1974	Nam	4.0	8.5	0.0	4.3	0.0	1.7	Vắng thi
5	18-2-52380107-00205	Bùi Thu	Diệp	9/28/1991	Nữ	10.0	7.0	9.0	8.0	8.3	8.4	
6	18-2-52380107-00160	Nguyễn Thị Hồng	Hanh	1/21/1983	Nữ	8.0	8.7	7.8	8.3	8.3	8.3	
7	18-2-52380107-00161	Cung Quang	Huy	6/29/1995	Nam	4.0	9.7	10.0	9.9	3.8	5.7	
8	18-2-52380107-00102	Nguyễn Đình	Luyện	6/1/1978	Nam	9.0	8.5	8.0	8.3	3.5	5.5	
9	18-2-52380107-00103	Hoàng Thành	Nam	2/14/1976	Nam	4.0	6.0	6.0	6.0	5.0	5.2	
10	18-2-52380107-00162	Thân Hải	Nam	5/26/1981	Nam	10.0	9.5	8.8	9.2	9.8	9.6	
11	18-2-52380107-00163	Trần Bích	Ngọc	9/7/1987	Nữ	4.0	9.0	7.5	8.3	4.8	5.8	
12	18-2-52380107-00084	Đặng Xuân	Thành	10/18/1981	Nam	8.0	9.0	8.8	8.9	8.5	8.6	
13	18-2-52380107-00104	Lê Thị	Thạo	4/20/1985	Nữ	10.0	8.0	8.5	8.3	8.5	8.6	
14	18-2-52380107-00105	Nguyễn Anh	Thế	11/24/1982	Nam	10.0	9.3	9.5	9.4	9.3	9.4	
15	18-2-52380107-00207	Nhâm Như	Toại	8/5/1978	Nam	8.0	8.8	8.8	8.8	7.8	8.1	
16	18-2-52380107-00164	Bùi Thị Thu	Trang	11/22/1975	Nữ	10.0	9.5	9.5	9.5	7.8	8.5	
17	18-2-52380107-00106	Phạm Văn	Trường	10/3/1991	Nam	10.0	8.5	8.0	8.3	7.0	7.7	
18	18-2-52380107-00165	Lê Khả	Văn	8/13/1982	Nam	10.0	6.0	9.0	7.5	6.3	7.0	
19	18-2-52380107-00166	Nguyễn Tiến	Vương	1/23/1983	Nam	8.0	8.0	7.5	7.8	8.5	8.2	
20	18-2-52380107-00159	Mai Tiến	Đạt	7/25/1989	Nam	10.0	9.5	9.2	9.4	8.3	8.8	
21	18-2-52380107-00101	Trần	Đức	10/25/1982	Nam	8.0	9.7	9.5	9.6	8.0	8.5	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$$D = A*0.1 + B*0.3 \text{ (Hoặc } 0.2 \text{ tùy từng môn)} + T*0.6$$

Cán bộ vào điểm

(Chữ ký)

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 5 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
LAW103 - LUẬT HIẾN PHÁP

Lớp: 184701.RCTN33 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 8

Ngành: Luật kinh tế

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 21/04/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52380107-00200	Đình Văn	Chín	7/4/1973	Nam	10.0	9.5	9.5	9.5	9.3	9.4	
2	18-2-52380107-00154	Đỗ Thị Thu	Hiền	5/5/1990	Nữ	8.0	4.5	6.3	5.4	3.8	4.7	
3	18-2-52380107-00155	Bùi Thị	Hồng	5/2/1984	Nữ	10.0	9.0	8.3	8.7	6.5	7.5	
4	18-2-52380107-00202	Vũ Thị	Hương	9/28/1987	Nữ	8.0	7.8	9.5	8.7	8.3	8.4	
5	18-2-52380107-00201	Phan Thị Thu	Hương	8/2/1988	Nữ	7.0	10.0	9.3	9.7	0.0	3.6	Hoãn thi
6	18-2-52380107-00098	Đỗ Khắc	Thiết	8/19/1983	Nam	10.0	9.5	8.0	8.8	9.3	9.2	
7	18-2-52380107-00097	Nguyễn Thị Biên	Thùy	3/30/1982	Nữ	7.0	8.5	9.5	9.0	8.8	8.7	
8	18-2-52380107-00203	Lưu Xuân	Tư	10/29/1981	Nam	6.0	5.5	8.0	6.8	6.5	6.5	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$$D = A*0.1 + B*0.3 \text{ (Hoặc } 0.2 \text{ tùy từng môn)} + T*0.6$$

Cán bộ vào điểm

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 5 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
LAW106 - LUẬT DÂN SỰ I

Lớp: 184701.UCTN33 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 2

Ngành: Luật kinh tế

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 21/04/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52380107-00096	Phạm Thị Lê	Hoa	9/4/1974	Nữ	2.0	6.5	7.5	7.0	0.0	2.3	Vắng thi
2	18-2-52380107-00196	Nguyễn Văn	Quyết	10/8/1990	Nam	8.0	8.0	8.0	8.0	8.5	8.3	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm



Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 5 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
LAW106 - LUẬT DÂN SỰ I

Lớp: 184701.RKTN33 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 21

Ngành: Luật kinh tế

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 21/04/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52380107-00157	Phạm Thị Tuệ	Anh	8/2/1982	Nữ	10.0	4.7	8.0	6.4	5.5	6.2	
2	18-2-52380107-00158	Hoàng Tuấn	Anh	1/24/1982	Nam	10.0	8.8	8.8	8.8	8.8	8.9	
3	18-2-52380107-00099	Lê Huy	Bình	6/20/1995	Nam	6.0	7.0	9.5	8.3	8.3	8.1	
4	18-2-52380107-00100	Nguyễn Hữu	Cường	5/26/1974	Nam	4.0	7.0	5.5	6.3	0.0	2.3	
5	18-2-52380107-00205	Bùi Thu	Diệp	9/28/1991	Nữ	10.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.5	
6	18-2-52380107-00160	Nguyễn Thị Hồng	Hanh	1/21/1983	Nữ	6.0	7.0	9.0	8.0	6.5	6.9	
7	18-2-52380107-00161	Cung Quang	Huy	6/29/1995	Nam	4.0	10.0	8.3	9.2	4.3	5.7	
8	18-2-52380107-00102	Nguyễn Đình	Luyện	6/1/1978	Nam	9.0	7.0	7.5	7.3	6.5	7.0	
9	18-2-52380107-00103	Hoàng Thành	Nam	2/14/1976	Nam	6.0	6.5	5.0	5.8	5.3	5.5	
10	18-2-52380107-00162	Thân Hải	Nam	5/26/1981	Nam	10.0	10.0	9.5	9.8	9.8	9.8	
11	18-2-52380107-00163	Trần Bích	Ngọc	9/7/1987	Nữ	6.0	7.0	7.5	7.3	6.8	6.9	
12	18-2-52380107-00084	Đặng Xuân	Thành	10/18/1981	Nam	8.0	9.0	8.5	8.8	7.5	7.9	
13	18-2-52380107-00104	Lê Thị	Thạo	4/20/1985	Nữ	10.0	9.0	7.5	8.3	8.0	8.3	
14	18-2-52380107-00105	Nguyễn Anh	Thế	11/24/1982	Nam	10.0	8.8	9.2	9.0	7.8	8.4	
15	18-2-52380107-00207	Nhâm Như	Toại	8/5/1978	Nam	8.0	6.5	7.8	7.2	6.8	7.0	
16	18-2-52380107-00164	Bùi Thị Thu	Trang	11/22/1975	Nữ	10.0	9.5	9.3	9.4	7.0	8.0	
17	18-2-52380107-00106	Phạm Văn	Trường	10/3/1991	Nam	10.0	7.5	7.0	7.3	4.0	5.6	
18	18-2-52380107-00165	Lê Khả	Văn	8/13/1982	Nam	10.0	5.0	6.0	5.5	6.3	6.4	
19	18-2-52380107-00166	Nguyễn Tiến	Vương	1/23/1983	Nam	4.0	6.8	8.0	7.4	7.8	7.3	
20	18-2-52380107-00159	Mai Tiến	Đạt	7/25/1989	Nam	10.0	8.2	10.0	9.1	8.3	8.7	
21	18-2-52380107-00101	Trần	Đức	10/25/1982	Nam	8.0	8.5	9.0	8.8	9.3	9.0	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm

(Chữ ký)

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 5 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
LAW106 - LUẬT DÂN SỰ I

Lớp: 184701.RCTN33 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 8

Ngành: Luật kinh tế

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 21/04/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52380107-00200	Đinh Văn	Chín	7/4/1973	Nam	10.0	8.3	9.5	8.9	9.0	9.1	
2	18-2-52380107-00154	Đỗ Thị Thu	Hiền	5/5/1990	Nữ	8.0	5.2	6.3	5.8	6.5	6.4	
3	18-2-52380107-00155	Bùi Thị	Hồng	5/2/1984	Nữ	10.0	6.3	8.0	7.2	9.0	8.6	
4	18-2-52380107-00202	Vũ Thị	Hương	9/28/1987	Nữ	9.0	7.2	6.2	6.7	6.3	6.7	
5	18-2-52380107-00201	Phan Thị Thu	Hương	8/2/1988	Nữ	6.0	8.5	8.0	8.3	0.0	3.1	Hoãn thi
6	18-2-52380107-00098	Đỗ Khắc	Thiệt	8/19/1983	Nam	10.0	9.5	10.0	9.8	9.5	9.6	
7	18-2-52380107-00097	Nguyễn Thị Biên	Thùy	3/30/1982	Nữ	10.0	7.5	7.0	7.3	8.0	8.0	
8	18-2-52380107-00203	Lưu Xuân	Tư	10/29/1981	Nam	8.0	6.5	5.5	6.0	4.8	5.5	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm



Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 5 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
MAT101 - TOÁN CAO CẤP 1

Lớp: 181101.QTN33 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 23

Ngành: Công nghệ thông tin

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1, Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 21/04/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52480201-00133	Đặng Quang	Cường	2/9/1990	Nam	10.0	7.7	9.0	8.4	7.0	7.7	
2	18-2-52480201-00132	Lê Tiến	Cường	14/08/1992	Nam	8.0	10.0	10.0	10.0	8.5	8.9	
3	18-2-52480201-00066	Ngô Văn	Duẩn	1/1/1989	Nam	8.0	3.3	5.3	4.3	5.3	5.3	
4	18-2-52480201-00068	Võ Triều	Dương	14/02/1997	Nam	6.0	8.8	9.0	8.9	5.8	6.8	
5	18-2-52480201-00134	Trần Văn	Giang	6/2/1997	Nam	10.0	6.0	9.5	7.8	9.0	8.7	
6	18-2-52480201-00053	Nguyễn Thị	Hà	3/9/1996	Nữ	10.0	7.5	10.0	8.8	4.3	6.2	
7	18-2-52480201-00177	Lý Văn	Hùng	21/05/1990	Nam	10.0	8.7	7.5	8.1	8.5	8.5	
8	18-2-52480201-00056	Phùng Đức	Huy	28/11/1996	Nam	8.0	9.0	8.5	8.8	9.5	9.1	
9	18-2-52480201-00071	Bùi Thế	Long	5/3/1993	Nam	6.0	9.0	8.0	8.5	3.0	5.0	
10	18-2-52480201-00072	Nguyễn Văn	Luận	3/11/1993	Nam	6.0	4.8	6.0	5.4	3.8	4.5	
11	18-2-52480201-00135	Vũ Văn	Nam	18/12/1990	Nam	8.0	10.0	9.5	9.8	4.0	6.1	
12	18-2-52480201-00136	Hoàng Văn	Ngọc	16/07/2000	Nam	4.0	8.0	8.5	8.3	3.8	5.2	
13	18-2-52480201-00073	Trần Vũ	Ninh	29/11/1997	Nam	8.0	8.5	8.5	8.5	5.0	6.4	
14	18-2-52480201-00137	Nguyễn Thị	Phương	10/4/1998	Nữ	10.0	9.0	9.5	9.3	7.8	8.5	
15	18-2-52480201-00138	Nguyễn Văn	Quang	25/03/1996	Nam	8.0	8.5	8.5	8.5	7.8	8.0	
16	18-2-52480201-00059	Nguyễn Duy	Tâm	31/10/1995	Nam	10.0	9.5	8.5	9.0	6.0	7.3	
17	18-2-52480201-00075	Nguyễn Hồng	Tân	28/06/1996	Nam	6.0	8.0	8.5	8.3	8.3	8.1	
18	18-2-52480201-00139	Vàng Văn	Thắng	4/9/1994	Nam	10.0	9.0	9.5	9.3	7.5	8.3	
19	18-2-52480201-00140	Hoàng Văn	Thoảng	12/7/1988	Nam	8.0	9.5	9.0	9.3	6.8	7.7	
20	18-2-52480201-00141	Hoa Xuân	Thủy	20/12/1984	Nam	10.0	7.5	7.5	7.5	5.3	6.4	
21	18-2-52480201-00183	Trịnh Đăng	Toàn	4/9/1994	Nam	8.0	6.0	9.0	7.5	4.3	5.6	
22	18-2-52480201-00076	Nguyễn Thanh	Tùng	20/11/1992	Nam	10.0	7.5	9.5	8.5	7.8	8.2	
23	18-2-52480201-00060	Đinh Văn	Vinh	14/08/1994	Nam	10.0	9.0	8.0	8.5	7.3	7.9	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm

2

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 5 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
PHH101 - TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Lớp: 164101.ETN21 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 10

Ngành: Kế Toán

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1, Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2016

Ngày thi: 21/04/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTKN1	20%	70%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	17-2-52340301-00001	Phạm Thị Thu	Hà	9/19/1986	Nữ	10.0	9.5	7.0	8.3	9.5	9.3	
2	16-2-52340301-00315	Đặng Thị Mai	Hương	9/20/1992	Nữ	10.0	10.0	8.0	9.0	9.0	9.1	
3	17-2-52340301-00003	Hoàng Thị	Hường	7/17/1979	Nữ	10.0	7.0	7.0	7.0	8.5	8.4	
4	17-2-52340301-00002	Nguyễn Thị	Hường	12/2/1986	Nữ	5.0	9.5	0.0	4.8	7.5	6.7	
5	17-2-52340301-00004	Trần Thị	Huyền	2/10/1992	Nữ	10.0	10.0	8.0	9.0	9.5	9.5	
6	16-2-52340301-00316	Trương Thị Phương	Thanh	1/9/1985	Nữ	10.0	7.0	6.0	6.5	8.8	8.5	
7	16-2-52340301-00356	Đinh Thị	Thanh	4/5/1982	Nữ	5.0	8.0	6.0	7.0	8.3	7.7	
8	16-2-52340301-00317	Nguyễn Việt	Thu	2/15/1981	Nữ	5.0	6.5	6.0	6.3	6.5	6.3	
9	16-2-52340301-00358	Lê Ngọc	Văn	5/16/1985	Nam	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Cấm thi
10	16-2-52340301-00318	Hoàng Thị	Xoe	2/15/1991	Nữ	10.0	9.0	8.0	8.5	6.8	7.5	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm



Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 5 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
PHP101 - ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Lớp: 164101.ETN21 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 10

Ngành: Kế Toán

Năm nhập học: 2016

Ngày thi: 21/04/2019

Lần thi thứ: 01

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTKN1	20%	70%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	17-2-52340301-00001	Phạm Thị Thu	Hà	9/19/1986	Nữ	10.0	10.0	7.0	8.5	10.0	9.7	
2	16-2-52340301-00315	Đặng Thị Mai	Hương	9/20/1992	Nữ	10.0	10.0	9.0	9.5	9.8	9.8	
3	17-2-52340301-00003	Hoàng Thị	Hường	7/17/1979	Nữ	10.0	9.0	7.0	8.0	8.8	8.8	
4	17-2-52340301-00002	Nguyễn Thị	Hường	12/2/1986	Nữ	5.0	9.5	0.0	4.8	8.8	7.6	
5	17-2-52340301-00004	Trần Thị	Huyền	2/10/1992	Nữ	10.0	10.0	8.0	9.0	10.0	9.8	
6	16-2-52340301-00316	Trương Thị Phương	Thanh	1/9/1985	Nữ	5.0	8.5	8.0	8.3	9.3	8.7	
7	16-2-52340301-00356	Đinh Thị	Thanh	4/5/1982	Nữ	5.0	10.0	7.0	8.5	10.0	9.2	
8	16-2-52340301-00317	Nguyễn Việt	Thu	2/15/1981	Nữ	5.0	9.5	7.0	8.3	8.0	7.8	
9	16-2-52340301-00358	Lê Ngọc	Văn	5/16/1985	Nam	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Cấm thi
10	16-2-52340301-00318	Hoàng Thị	Xoe	2/15/1991	Nữ	10.0	9.5	8.0	8.8	8.3	8.6	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm

2

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 5 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
PSD102 - PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG CÁ NHÂN 2

Lớp: 181101.SCTN33 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 1

Ngành: Công nghệ thông tin

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1, Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 21/4/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTKN1	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52480201-00077	Nguyễn Thiện	Khánh	1/30/1982	Nam	10.0	10.0	8.0	9.0	10.0	9.7	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm



Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 5 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
PSD102 - PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG CÁ NHÂN 2

Lớp: 181101.SKTN33 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 4

Ngành: Công nghệ thông tin

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1, Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 21/4/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTKN1	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	17-2-52480201-00111	Nguyễn Thị	Hương	4/14/1987	Nữ	10.0	9.0	8.0	8.5	0.0	3.6	Vắng thi
2	18-2-52480201-00187	Nguyễn Thu	Huyền	7/4/1994	Nữ	10.0	10.0	8.0	9.0	0.0	3.7	Hoãn thi
3	18-2-52480201-00062	Lê Trung	Kiên	5/17/1982	Nam	10.0	9.3	8.0	8.7	8.5	8.7	
4	18-2-52480201-00078	Đỗ Văn	Việt	8/11/1988	Nam	10.0	10.0	8.0	9.0	9.5	9.4	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm

2

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 5 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
PSD102 - PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG CÁ NHÂN 2

Lớp: 181101.QTN33 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 23

Ngành: Công nghệ thông tin

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 21/4/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTKN1	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52480201-00133	Đặng Quang	Cường	9/2/1990	Nam	10.0	9.3	9.0	9.2	7.5	8.3	
2	18-2-52480201-00132	Lê Tiến	Cường	8/14/1992	Nam	10.0	9.5	8.0	8.8	9.0	9.0	
3	18-2-52480201-00066	Ngô Văn	Duẩn	1/1/1989	Nam	10.0	7.7	8.0	7.9	7.5	7.9	
4	18-2-52480201-00068	Võ Triều	Dương	2/14/1997	Nam	10.0	9.7	8.0	8.9	9.0	9.1	
5	18-2-52480201-00134	Trần Văn	Giang	2/6/1997	Nam	10.0	8.0	8.0	8.0	9.3	9.0	
6	18-2-52480201-00053	Nguyễn Thị	Hà	9/3/1996	Nữ	10.0	7.5	0.0	3.8	6.8	6.2	
7	18-2-52480201-00177	Lý Văn	Hùng	5/21/1990	Nam	10.0	9.0	8.0	8.5	7.3	7.9	
8	18-2-52480201-00056	Phùng Đức	Huy	11/28/1996	Nam	10.0	10.0	8.0	9.0	9.3	9.3	
9	18-2-52480201-00071	Bùi Thế	Long	3/5/1993	Nam	10.0	9.0	8.0	8.5	0.0	3.6	
10	18-2-52480201-00072	Nguyễn Văn	Luận	11/3/1993	Nam	10.0	3.8	8.0	5.9	7.0	7.0	
11	18-2-52480201-00135	Vũ Văn	Nam	12/18/1990	Nam	10.0	10.0	1.0	5.5	8.0	7.5	
12	18-2-52480201-00136	Hoàng Văn	Ngọc	7/16/2000	Nam	10.0	9.0	8.0	8.5	7.0	7.8	
13	18-2-52480201-00073	Trần Vũ	Ninh	11/29/1997	Nam	10.0	7.5	1.0	4.3	9.3	7.9	
14	18-2-52480201-00137	Nguyễn Thị	Phương	4/10/1998	Nữ	10.0	8.0	8.0	8.0	9.8	9.3	
15	18-2-52480201-00138	Nguyễn Văn	Quang	3/25/1996	Nam	10.0	7.5	8.0	7.8	9.3	8.9	
16	18-2-52480201-00059	Nguyễn Duy	Tâm	10/31/1995	Nam	10.0	9.5	8.0	8.8	8.5	8.7	
17	18-2-52480201-00075	Nguyễn Hồng	Tân	6/28/1996	Nam	7.0	7.0	1.0	4.0	8.5	7.0	
18	18-2-52480201-00139	Vàng Văn	Thắng	9/4/1994	Nam	10.0	10.0	0.0	5.0	10.0	8.5	
19	18-2-52480201-00140	Hoàng Văn	Thoảng	7/12/1988	Nam	10.0	10.0	8.0	9.0	9.8	9.6	
20	18-2-52480201-00141	Hoa Xuân	Thủy	12/20/1984	Nam	10.0	7.5	8.0	7.8	8.3	8.3	
21	18-2-52480201-00183	Trịnh Đăng	Toàn	9/4/1994	Nam	10.0	9.5	8.0	8.8	9.0	9.0	
22	18-2-52480201-00076	Nguyễn Thanh	Tùng	11/20/1992	Nam	10.0	9.5	9.0	9.3	7.5	8.3	
23	18-2-52480201-00060	Đinh Văn	Vinh	8/14/1994	Nam	10.0	10.0	8.0	9.0	10.0	9.7	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm

(Chữ ký)

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 5 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
PSD102 - PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG CÁ NHÂN 2

Lớp: 181101.HTN31 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 1

Ngành: Công nghệ thông tin

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 21/4/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTKN1	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52480201-00184	Phạm Văn	Công	11/17/1989	Nam	10.0	10.0	8.0	9.0	8.3	8.7	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3 \text{ (Hoặc } 0.2 \text{ tùy từng môn)} + T \cdot 0.6$$

Cán bộ vào điểm

2

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 5 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
SE101 - NHẬP MÔN LẬP TRÌNH (C)

Lớp: 181101.HTN31 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 1

Ngành: Công nghệ thông tin

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 21/04/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52480201-00184	Phạm Văn	Công	11/17/1989	Nam	10.0	10.0	9.5	9.8	8.5	9.0	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 5 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
SE101 - NHẬP MÔN LẬP TRÌNH (C)

Lớp: 181101.SKTN33 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 4

Ngành: Công nghệ thông tin

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 21/04/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	17-2-52480201-00111	Nguyễn Thị	Hương	4/14/1987	Nữ	10.0	9.0	9.5	9.3	0.0	3.8	Vắng thi
2	18-2-52480201-00187	Nguyễn Thu	Huyền	7/4/1994	Nữ	10.0	9.8	10.0	9.9	0.0	4.0	Hoãn thi
3	18-2-52480201-00062	Lê Trung	Kiên	5/17/1982	Nam	7.5	9.5	9.8	9.7	9.0	9.1	
4	18-2-52480201-00078	Đỗ Văn	Việt	8/11/1988	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	9.0	9.4	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 5 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
SE101 - NHẬP MÔN LẬP TRÌNH (C)

Lớp: 181101.SCTN33 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 1

Ngành: Công nghệ thông tin

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 21/04/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52480201-00077	Nguyễn Thiện	Khánh	1/30/1982	Nam	10.0	9.5	10.0	9.8	9.5	9.6	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A * 0.1 + B * 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T * 0.6$

Cán bộ vào điểm

(Chữ ký)

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 5 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
SE403 - PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG WEB VỚI JAVA

Lớp: 161101.QTN15 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 11

Ngành: Công nghệ thông tin

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2016

Ngày thi: 21/04/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	16-2-52480201-00010	Nguyễn Tuấn	Anh	5/16/1986	Nam	8.0	10.0	9.3	9.7	7.5	8.2	
2	16-2-52480201-00013	Vi Văn	Dương	2/28/1986	Nam	8.0	8.2	8.0	8.1	5.0	6.2	
3	15-2-52480201-00293	Lê Mạnh	Hà	5/6/1989	Nam	4.0	8.0	0.0	4.0	3.8	3.9	
4	16-2-52480201-00014	Nguyễn Thị	Hạnh	2/17/1993	Nữ	8.0	9.5	9.5	9.5	3.5	5.8	
5	16-2-52480201-00001	Hồ Hữu	Hoàng	4/18/1989	Nam	8.0	8.5	0.0	4.3	5.8	5.6	
6	15-2-52480201-00297	Trần Đình	Quang	8/31/1985	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	6.3	7.8	
7	16-2-52480201-00017	Hoàng Văn	Son	8/1/1994	Nam	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Cấm thi
8	16-2-52480201-00003	Mai Xuân	Thanh	7/16/1989	Nam	8.0	10.0	10.0	10.0	8.3	8.8	
9	15-2-52480201-00325	Nguyễn Thị	Thảo	8/2/1991	Nữ	8.0	7.3	8.0	7.7	5.8	6.6	
10	15-2-52480201-00326	Nguyễn Xuân	Trung	12/25/1990	Nam	8.0	7.3	6.7	7.0	6.0	6.5	
11	15-2-52480201-00327	Lê Ngọc	Trung	4/1/1968	Nam	6.0	0.0	8.5	4.3	7.0	6.1	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$$D = A*0.1 + B*0.3 \text{ (Hoặc } 0.2 \text{ tùy từng môn)} + T*0.6$$

Cán bộ vào điểm

(Chữ ký)

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 5 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
TGL101 - LÝ LUẬN NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Lớp: 184701.YTN33 Hệ: Từ xa
Tổng số học viên: 16
Ngành: Luật kinh tế

Năm nhập học: 2018
Ngày thi: 21/04/2019
Lần thi thứ: 01

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1, Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52380107-00086	Nguyễn Việt	An	11/9/1990	Nam	9.0	8.0	8.5	8.3	6.5	7.3	
2	18-2-52380107-00145	Đoàn Văn	Anh	6/25/1994	Nam	10.0	7.0	7.5	7.3	6.0	6.8	
3	18-2-52380107-00189	Vũ Văn	Công	5/10/1983	Nam	10.0	8.0	8.0	8.0	9.3	9.0	
4	18-2-52380107-00147	Phạm Thị	Hằng	10/20/1993	Nữ	10.0	9.0	9.0	9.0	6.3	7.5	
5	18-2-52380107-00088	Nguyễn Trung	Hiếu	4/27/1984	Nam	10.0	6.0	7.7	6.9	8.5	8.2	
6	18-2-52380107-00089	Trần Quốc	Hoàn	2/17/1971	Nam	8.0	8.0	8.0	8.0	0.0	3.2	Vắng thi
7	18-2-52380107-00090	Vũ Quốc	Huân	9/19/1992	Nam	6.0	8.3	8.5	8.4	6.0	6.7	
8	18-2-52380107-00193	Dương Thị	Luận	5/9/1993	Nữ	2.0	0.0	5.5	2.8	0.0	1.0	Vắng thi
9	18-2-52380107-00194	Phạm Thị	Mình	10/10/1984	Nữ	8.0	8.2	8.7	8.5	8.3	8.3	
10	18-2-52380107-00093	Vũ Hoàng	Phương	6/29/2000	Nam	6.0	4.7	3.5	4.1	0.0	1.8	Hoãn thi
11	18-2-52380107-00149	Phan Đức	Phương	4/3/1985	Nam	10.0	7.5	8.5	8.0	8.0	8.2	
12	18-2-52380107-00074	Hà Văn	Quyết	3/22/1993	Nam	6.0	7.0	8.2	7.6	7.8	7.6	
13	18-2-52380107-00094	Nguyễn Thị Bích	Thảo	7/8/1994	Nữ	9.0	8.5	10.0	9.3	8.5	8.8	
14	18-2-52380107-00151	Lê Văn	Tú	12/21/1999	Nam	2.0	5.8	6.3	6.1	7.8	6.7	
15	18-2-52380107-00195	Hoàng Tuấn	Tú	6/9/1984	Nam	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Cấm thi
16	18-2-52380107-00152	Tòng Văn Phá	Ư	12/8/1994	Nam	10.0	4.8	6.5	5.7	4.5	5.4	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$$D = A*0.1 + B*0.3 \text{ (Hoặc } 0.2 \text{ tùy từng môn)} + T*0.6$$

Cán bộ vào điểm

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 5 năm 2019.

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
TGL101 - LÝ LUẬN NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Lớp: 184701.UKTN33 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 2

Ngành: Luật kinh tế

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 21/04/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52380107-00198	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	12/5/1980	Nữ	6.0	7.5	5.8	6.7	5.5	5.9	
2	18-2-52380107-00153	Phùng Văn	Quyển	5/4/1996	Nam	10.0	7.2	7.0	7.1	0.0	3.1	Vắng thi

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T \cdot 0.6$

Cán bộ vào điểm

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 5 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
TH901 - LẬP TRÌNH ỨNG DỤNG

Lớp: 161101.QTN15 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 11

Ngành: Công nghệ thông tin

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2016

Ngày thi: 21/04/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	16-2-52480201-00010	Nguyễn Tuấn	Anh	5/16/1986	Nam	8.0	10.0	10.0	10.0	8.0	8.6	
2	16-2-52480201-00013	Vi Văn	Dương	2/28/1986	Nam	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	
3	15-2-52480201-00293	Lê Mạnh	Hà	5/6/1989	Nam	4.0	8.0	0.0	4.0	3.8	3.9	
4	16-2-52480201-00014	Nguyễn Thị	Hạnh	2/17/1993	Nữ	8.0	10.0	9.0	9.5	8.3	8.6	
5	16-2-52480201-00001	Hồ Hữu	Hoàng	4/18/1989	Nam	8.0	8.5	0.0	4.3	8.5	7.2	
6	15-2-52480201-00297	Trần Đình	Quang	8/31/1985	Nam	10.0	10.0	10.0	10.0	6.8	8.1	
7	16-2-52480201-00017	Hoàng Văn	Sơn	8/1/1994	Nam	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Cấm thi
8	16-2-52480201-00003	Mai Xuân	Thanh	7/16/1989	Nam	8.0	10.0	10.0	10.0	10.0	9.8	
9	15-2-52480201-00325	Nguyễn Thị	Thảo	8/2/1991	Nữ	8.0	8.5	8.5	8.5	8.8	8.6	
10	15-2-52480201-00326	Nguyễn Xuân	Trung	12/25/1990	Nam	8.0	8.5	7.8	8.2	8.0	8.1	
11	15-2-52480201-00327	Lê Ngọc	Trung	4/1/1968	Nam	8.0	0.0	9.0	4.5	8.8	7.4	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$$D = A*0.1 + B*0.3 \text{ (Hoặc } 0.2 \text{ tùy từng môn)} + T*0.6$$

Cán bộ vào điểm

Trương Cao Dũng

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 5 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN MÔN
TH902 - CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM ỨNG DỤNG

Lớp: 161101.QTN15 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 11

Ngành: Công nghệ thông tin

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2016

Ngày thi: 21/04/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số SV/HV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm đánh giá	Điểm KT giữa	Điểm TB KT	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	30%	30%	60%	100%	
						A	B4	B	C	D	
1	16-2-52480201-00010	Nguyễn Tuấn	Anh	16/05/1986	Nam	6	7.5	7.5	7	7.1	
2	16-2-52480201-00013	Vì Văn	Dương	28/02/1986	Nam	10	7.5	7.5	0	3.3	Không hoàn thành BT
3	15-2-52480201-00293	Lê Mạnh	Hà	06/05/1989	Nam	6	7.5	7.5	0	2.9	Không hoàn thành BT
4	16-2-52480201-00014	Nguyễn Thị	Hạnh	17/02/1993	Nữ	10	7.5	7.5	6.5	7.2	
5	16-2-52480201-00001	Hồ Hữu	Hoàng	18/04/1989	Nam	6	7.5	7.5	7	7.1	
6	15-2-52480201-00297	Trần Đình	Quang	31/08/1985	Nam	10	7.5	7.5	8	8.1	
7	16-2-52480201-00017	Hoàng Văn	Sơn	01/08/1994	Nam	6	7.5	7.5	0	2.9	Không hoàn thành BT
8	16-2-52480201-00003	Mai Xuân	Thanh	16/07/1989	Nam	10	7.5	7.5	7	7.5	
9	15-2-52480201-00325	Nguyễn Thị	Thảo	02/08/1991	Nữ	10	7.5	7.5	7	7.5	
10	15-2-52480201-00326	Nguyễn Xuân	Trung	25/12/1990	Nam	6	7.5	7.5	7	7.1	
11	15-2-52480201-00327	Lê Ngọc	Trung	01/04/1968	Nam	6	7.5	7.5	7	7.1	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T \cdot 0.6$

Giảng viên chuyên môn

ThS. Hoàng Thị Cảnh



Thái Nguyên, ngày .. tháng .. năm ..
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TỪ XA

ĐẠI HỌC
THÁI NGUYÊN

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
TS. Trương Hữu Dũng